

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỪNG BƯỚC GIẢI ĐÁP VÀ LÀM SÁNG TỎ MỘT SỐ VẤN ĐỀ NẢY SINH TỪ THỰC TIỄN

PGS, TS TRẦN VĂN PHÒNG*

Trong quá trình đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đổi mới tư duy lý luận, kịp thời giải đáp và làm sáng tỏ nhiều vấn đề thực tiễn nảy sinh, góp phần đưa sự nghiệp đổi mới đạt nhiều thành tựu quan trọng. Tiêu biểu là những vấn đề lớn sau:

Một là, xóa thế bao vây, cấm vận, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Trong quá trình đổi mới, về đối ngoại, vấn đề quan trọng đặt ra đầu tiên là phải phá được thế bao vây, cấm vận nhằm thêm bạn, bớt thù, tranh thủ được vốn, công nghệ, kỹ thuật của nước ngoài để phát triển kinh tế đất nước. Để thực hiện nhiệm vụ này, Đảng đã đề ra đường lối đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, năm 1992, Nhà nước ta đã khai thông quan hệ với Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB); tháng 7-1995 nước ta gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), ký kết hiệp định khung về hợp tác kinh tế, khoa học, kỹ thuật



Cầu Rach Miêu nối liền hai tỉnh Tiền Giang và Bến Tre

và một số lĩnh vực khác với Liên minh châu Âu (EU); bình thường hoá quan hệ với Hoa Kỳ, xoá được thế bao vây cấm vận; tháng 11-1998 Việt Nam là thành viên chính thức của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC); tháng 11-2006 Việt Nam là thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO);... Nhận thức được xu thế vận động, phát triển của thời đại, từ Đại hội IX, Đảng đề ra đường lối *chủ động hội nhập kinh tế quốc tế*. Đến Đại hội X, Đảng nhấn mạnh *chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế*. Hội nghị Trung ương 4 khóa X cũng như Đại hội XI của Đảng đề ra phương

* Học viện CT-HC quốc gia Hồ Chí Minh

hướng: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”¹. Như vậy là trong quá trình đổi mới, Đảng đã đưa đất nước ra khỏi thế bị bao vây, cô lập, mở rộng quan hệ đối ngoại, góp phần tạo thêm sự ủng hộ, sự đồng cảm, chia sẻ của các nước cũng như các tổ chức quốc tế đối với sự nghiệp đổi mới.

Hai là, vấn đề quan hệ giữa kinh tế với chính trị. Tổng kết 10 năm đổi mới, Đại hội VIII của Đảng (1996) rút ra bài học: “Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị”². Phát huy dân chủ, khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời chống mọi khuynh hướng dân chủ cực đoan, quá khích, mọi âm mưu lợi dụng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” nhằm gây rối chính trị, chống phá chế độ, can thiệp vào nội bộ của ta. Tiếp tục tinh thần Đại hội VIII, Đại hội IX nhấn mạnh nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, nhiệm vụ then chốt là xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đại hội X tiếp tục tinh thần đó về đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị nhưng cũng thẳng thắn nhận thấy, bộ máy nhà nước chậm đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội³. Đại hội XI nhấn mạnh: “Đổi mới chính trị phải đồng bộ với đổi mới kinh tế theo lộ trình thích hợp, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương,..”⁴. Đại hội XI đặc biệt nhấn mạnh phải lấy mục tiêu xây dựng nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh “làm tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá hiệu quả của quá trình đổi mới và phát triển”⁵. Đây vừa là bước phát triển về nhận thức vừa là sự giải đáp và làm sáng tỏ thêm quan hệ giữa đổi mới kinh tế và chính trị ở nước ta hiện nay. Nhờ vậy mà sự nghiệp đổi mới kinh tế và chính trị do Đảng ta khởi xướng ngày càng đạt được kết quả, tránh được những sai lầm đáng tiếc.

Ba là, vấn đề quan hệ giữa kinh tế và văn hóa, xã hội trong đổi mới. Trong quá trình đổi mới, Đảng ta đã giải quyết tốt mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa, xã hội. *Cương lĩnh (1991)* của Đảng xác định: “...kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa các nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài; giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội”⁶. Ngay từ khi bắt đầu tiến hành đổi mới, Đảng ta đã gắn chính sách kinh tế với chính sách xã hội. *Cương lĩnh (1991)* cũng xác định phải xây dựng được “nền văn hóa mới, tạo ra một đời sống tinh thần cao đẹp, phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ”⁷. Đại hội VIII của Đảng có bước phát triển mới về nhận thức quan hệ giữa kinh tế với xã hội: “... không chờ kinh tế

phát triển cao rồi mới giải quyết các vấn đề xã hội, mà ngay trong từng bước và suốt quá trình phát triển, tăng trưởng kinh tế phải luôn gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội. Công bằng xã hội không chỉ được thực hiện trong phân phối kết quả sản xuất, mà còn được thực hiện ở khâu phân phối tư liệu sản xuất, ở việc tạo ra những điều kiện cho mọi người phát huy tốt năng lực của mình”⁸. Trên tinh thần đó, mọi chủ trương phát triển kinh tế của Đảng đều gắn kết với việc giải quyết tốt các vấn đề văn hóa, xã hội. Đại hội VIII cũng quan niệm: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội”⁹. Quan điểm này đã nêu rõ vai trò của văn hóa đối với kinh tế, xã hội. Đại hội IX tiếp tục quan điểm: “Tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển.

Tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa và giáo dục, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”¹⁰. Đại hội X trên tinh thần của các đại hội trước nhưng cụ thể hơn: “Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người”¹¹. Đại hội XI nhấn mạnh “Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế”¹². Việc giải đáp và làm sáng tỏ mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa, xã hội của Đảng ta đã góp phần trực tiếp vào việc

giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) của sự nghiệp đổi mới ở nước ta. Bởi lẽ, những vấn đề văn hóa, xã hội là những vấn đề thể hiện bản chất XHCN rõ nhất.

Bốn là, vấn đề động lực của chủ nghĩa xã hội (CNXH) ở Việt Nam. Từ đổi mới 1986, Đảng ta đã có những nhận thức cụ thể hơn về động lực của sự phát triển CNXH ở Việt Nam. *Cương lĩnh (1991)* với năm bài học lớn được rút ra từ thực tiễn cách mạng, có hai bài học chỉ rõ động lực của sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta. Đó là bài học: “*sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.* Chính nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử” và “*không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế*”¹³. Đại hội VII của Đảng chỉ rõ: “Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Quan hệ giữa Đảng và nhân dân bao giờ cũng là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng. Nguồn sức mạnh làm nên thắng lợi của chúng ta chính là ở chỗ Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân”¹⁴; dân chủ “vừa là một mục tiêu vừa là động lực của của công cuộc đổi mới xã hội ta”¹⁵. Đại hội VIII tiếp tục khẳng định tinh thần của Đại hội VII và nêu cao phương châm: Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở lấy minh công - nông - trí làm nền tảng, đoàn kết mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống ở trong nước hay đang định cư ở nước ngoài; có cơ chế và cách

làm cụ thể để thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”¹⁶. Điểm mới ở đây là Đảng ta nhấn mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở liên minh công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức. Đại hội IX lại có bước phát triển cụ thể hơn nữa về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân: “Thực hiện đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài”; “lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng”; “trên cơ sở liên minh vững chắc giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”¹⁷. Tiếp tục tinh thần trên, Đại hội X khẳng định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹⁸ và tiếp tục nhấn mạnh: “**Dân chủ xã hội chủ nghĩa** vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹⁹. Đồng thời, Đại hội cũng yêu cầu phải thực hiện tốt *Quy chế dân chủ ở cơ sở* như là việc cụ thể hóa động lực của CNXH. Điểm mới trong nhận thức về động lực của

CNXH mà Đại hội X đề cập là “kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội”²⁰. Đại hội XI tiếp tục nhấn mạnh: “**Đại đoàn kết toàn dân tộc** là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”²¹. Đại hội XI cũng xác định, trong thời kỳ hiện nay, đại đoàn kết toàn dân tộc “Lấy mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh làm điểm tương đồng; xóa bỏ mặc cảm, định kiến về quá khứ, thành phần giai cấp, chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc; đề cao tinh thần dân tộc, truyền thống nhân nghĩa, khoan dung... để tập hợp, đoàn kết mọi người vào mặt trận chung, tăng cường đồng thuận xã hội”²². Như vậy, vấn đề động lực của CNXH ở Việt Nam không những được Đảng ta bổ sung, phát triển về quan điểm mà còn được giải đáp, làm sáng tỏ qua từng đại hội. Điều này đã góp phần to lớn vào sự nghiệp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Năm là, vấn đề đấu tranh giai cấp. Trong quá trình đổi mới, Đảng ta vẫn xác định rõ, cuộc đấu tranh giai cấp ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên CNXH là tất yếu khách quan và vẫn diễn ra gay go, phức tạp.

Tuy nhiên, nhận thức về cuộc đấu tranh giai cấp của Đảng ta đã có những điểm mới. Từ chỗ, nhận thức rõ vai trò của liên minh giai cấp trong đấu tranh giai cấp, từ Đại hội VII, Đảng đã chủ trương một mặt, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết lương giáo và giữa các tôn giáo. Khắc phục mọi thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo, chống những hành động vi phạm tự do tín ngưỡng. Mặt khác, nghiêm cấm và ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng tôn giáo phá hoại độc lập và chống phá CNXH, đoàn kết dân tộc, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân. Với những người đã tham gia quân đội và chính quyền chế độ cũ, Đảng, Nhà nước, xã hội xóa bỏ mọi thành kiến, tạo điều kiện để họ góp phần xây dựng đất nước. Với bà con Việt kiều, Đảng, Nhà nước hoan nghênh bà con giữ gìn bản sắc, truyền thống và giá trị văn hóa dân tộc, tình cảm gắn bó với quê hương, đất nước²³. Đây là những nhận thức mới quan trọng về vấn đề đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay. Trên tinh thần thực hiện liên minh giai cấp chính là đấu tranh giai cấp, trong văn kiện các Đại hội VIII, IX, X, XI, Đảng ta luôn đề cao nhiệm vụ tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đại hội IX của Đảng đánh dấu bước phát triển mới trong nhận thức của Đảng ta về đấu tranh giai cấp - đã nêu rất cụ thể: “Nội dung chủ yếu của cuộc đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục

tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc”²⁴. Đại hội XI của Đảng đề ra nhiệm vụ: Kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, phê phán những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ ta; khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên. Giữ gìn, đoàn kết thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội. Như vậy, nội dung của cuộc đấu tranh giai cấp ở nước ta đã được làm sáng tỏ. Nó không chỉ bao hàm nội dung chính trị mà cả những nội dung kinh tế, tư tưởng, văn hóa, xã hội, xây dựng Đảng, v.v.. Mục tiêu của cuộc đấu tranh giai cấp ở nước ta là xây dựng Việt Nam thành một nước XHCN phồn vinh, nhân dân hạnh phúc. Điều này đã trực tiếp góp phần vào việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì sự thắng lợi của sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta.

Sáu là, vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân. Thực tiễn đời mới đặt ra vấn đề đảng viên có được làm kinh tế tư nhân không? Qua tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm, thảo luận rộng rãi trong Đảng và ngoài xã

hội, đến Đại hội X, Đảng ta đã chính thức cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân. Tiếp đó, Đảng ta có nghị quyết chuyên đề - Nghị quyết Trung ương 3 khóa X, đưa ra những quy định cụ thể đối với đảng viên làm kinh tế tư nhân có điều kiện. Đây là cách nhìn nhận mới cũng như cách giải quyết vấn đề nảy sinh từ thực tiễn đổi mới hết sức sáng tạo của Đảng. Điều này không chỉ đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của một bộ phận đảng viên mà còn góp phần thúc đẩy giải phóng sức sản xuất, phát triển kinh tế, tạo nhiều việc làm mới cho xã hội. Trên cơ sở đó, chính những cán bộ, đảng viên làm kinh tế tư nhân đã phát huy được vai trò tiên phong, gương mẫu của mình trong phát triển kinh tế, góp phần lôi cuốn nhân dân hăng hái tham gia phát triển sản xuất.

Trên đây là một số vấn đề nảy sinh từ thực tiễn đổi mới đã được Đảng ta nhận thức, giải đáp và làm sáng tỏ. Trên cơ sở đó thúc đẩy sự nghiệp đổi mới tiến lên. Tuy vậy, vẫn còn những vấn đề đòi hỏi Đảng ta phải tổng kết thực tiễn, học hỏi kinh nghiệm quốc tế để tiếp tục giải đáp, làm sáng tỏ. Chẳng hạn, vấn đề về đảng cầm quyền; vấn đề quan hệ giữa phát triển nhanh và bền vững; quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; vấn đề kết hợp giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, v.v.. Chính vì vậy, Đại hội XI của Đảng tiếp tục đề ra nhiệm vụ: “Tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ một số vấn đề về đảng cầm quyền, về

chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình đổi mới”²⁵. Hơn nữa, thực tiễn đang đòi hỏi tiếp tục đổi mới tư duy lý luận để giải đáp, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn nhằm đổi mới toàn diện, đồng bộ vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Có thể nói, quá trình đổi mới trong những năm qua cũng là quá trình Đảng ta luôn luôn phát triển lý luận, giải đáp và làm sáng tỏ những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn đổi mới. Đây là việc làm thường xuyên của Đảng và sẽ còn những vấn đề mà Đảng tiếp tục phải nghiên cứu, giải đáp làm sáng tỏ.

1, 4, 5, 12, 21, 22, 25. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, CTQG, H, 2011, tr.138, 99-100, 100, 124, 48, 239-240, 255-256

2, 8, 9, 16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, CTQG, H, 1996, tr.12, 31, 29, 43-44

3, 11, 18, 19, 20. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, CTQG, H, 2006, tr.174-175, 77, 116, 44, 117

10, 17, 24. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, CTQG, H, 2001, tr.88, 123-124, 86.

6, 7, 13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, CTQG, H, 1991, tr. 13, 14, 5

14, 15, 23. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, ST, H, 1991, tr. 124, 125, 78-79.